



CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY SẢN CÀ MAU

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT
Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/06/2026

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY SẢN CÀ MAU

Địa chỉ: Số 8, đường Cao Thắng, phường Lý Văn Lâm, tỉnh Cà Mau, Việt Nam

MỤC LỤC

	Trang
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	1 - 2
BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ	3 - 4
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT	
Báo cáo tình hình tài chính tại ngày 30 tháng 06 năm 2026	5 - 6
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc tại ngày 30 tháng 06 năm 2026	7
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc tại ngày 30 tháng 06 năm 2026	8 - 9
Bản thuyết minh báo cáo tài chính chọn lọc	10 - 32

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY SẢN CÀ MAU

Địa chỉ: Số 8, đường Cao Thắng, phường Lý Văn Lâm, tỉnh Cà Mau, Việt Nam

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Thủy sản Cà Mau (dưới đây gọi tắt là "Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với các báo cáo tài chính đính kèm đã được soát xét của Công ty cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc tại ngày 30 tháng 06 năm 2026.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này của Công ty bao gồm:

<u>Tên</u>	<u>Chức vụ</u>
Ông Bùi Vĩnh Hoàng Chương	Chủ tịch
Ông Nguyễn Văn Khánh	Phó Chủ tịch (tạm đình chỉ chức vụ từ ngày 24 tháng 04 năm 2026)
Ông Bùi Nguyên Khánh	Thành viên
Ông Nguyễn Hồng Đức	Thành viên
Ông Bùi Thế Hùng	Thành viên
Ông Lê Thanh Phương	Thành viên
Ông Huỳnh Nhật Vũ	Thành viên

Danh sách các thành viên Ban Kiểm soát trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này của Công ty bao gồm:

<u>Tên</u>	<u>Chức vụ</u>
Ông Đặng Chiến Thắng	Trưởng ban
Ông Đỗ Hữu Duy	Thành viên
Ông Vũ Hà Nam	Thành viên

Danh sách các thành viên Ban Tổng Giám đốc trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này của Công ty bao gồm:

<u>Tên</u>	<u>Chức vụ</u>
Ông Bùi Nguyên Khánh	Phó Tổng Giám đốc phụ trách
Ông Bùi Vĩnh Hoàng Chương	Phó Tổng Giám đốc
Bà Phan Thị Ngọc Ánh	Phó Tổng Giám đốc
Ông Tô Tàn Hoài	Phó Tổng Giám đốc

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính kèm theo được soát xét bởi Công ty TNHH Kiểm toán & Tư vấn RSM Việt Nam, thành viên của RSM Quốc tế.

(Xem trang tiếp theo)

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY SẢN CÀ MAU

Địa chỉ: Số 8, đường Cao Thắng, phường Lý Văn Lâm, tỉnh Cà Mau, Việt Nam

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hằng kỳ phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong việc lập báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ Chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục; và
- Thiết kế và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế sai sót và gian lận.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo rằng các sổ sách kế toán được ghi chép phù hợp và lưu giữ đầy đủ để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại bất kỳ thời điểm nào và báo cáo tài chính được lập tuân thủ các Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam cũng như các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam. Ban Tổng Giám đốc Công ty cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn tài sản của Công ty và thực hiện những biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên khi lập báo cáo tài chính.

CÔNG BỐ BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Tổng Giám đốc Công ty công bố rằng báo cáo tài chính kèm theo phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30 tháng 06 năm 2026, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,



Bùi Nguyên Khánh
Phó Tổng Giám đốc phụ trách

Cà Mau, ngày 13 tháng 08 năm 2026

Số: 24/2026/SX-RSMHCM

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Kính gửi: Các cổ đông
Các thành viên Hội đồng Quản trị
Các thành viên Ban Tổng Giám đốc
CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY SẢN CÀ MAU

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Thủy sản Cà Mau, được lập ngày 13 tháng 08 năm 2026, từ trang 05 đến trang 32, bao gồm Báo cáo tình hình tài chính tại ngày 30 tháng 06 năm 2026, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính chọn lọc.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Thủy sản Cà Mau chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực hợp lý báo cáo tài chính giữa niên độ theo các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

(Xem trang tiếp theo)

BÁO CÁO SOÁT XÉT
THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của đơn vị tại ngày 30 tháng 06 năm 2026, và kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của đơn vị cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán (doanh nghiệp) Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

KT. TỔNG GIÁM ĐỐC



Lục Thị Vân
Phó Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán số:
0172-2023-026-1

Công ty TNHH Kiểm toán & Tư vấn RSM Việt Nam

TP. Hồ Chí Minh, ngày 13 tháng 08 năm 2026

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY SẢN CÀ MAU

Địa chỉ: Số 8, đường Cao Thắng, phường Lý Văn Lâm, tỉnh Cà Mau, Việt Nam

Mẫu số B 01a - DN

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Tại ngày 30/06/2026

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	TM	Tại ngày 30/06/2026	Tại ngày 01/01/2026
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		535.124.968.935	401.664.857.502
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5.1	116.498.644.452	130.909.143.119
1. Tiền	111		116.498.644.452	120.909.143.119
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	10.000.000.000
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		115.099.652.074	35.941.680.107
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	5.2	115.099.652.074	35.941.680.107
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		112.052.425.535	88.538.203.429
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.3	100.491.552.648	76.119.733.311
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	5.4	8.777.932.536	10.245.918.800
3. Phải thu ngắn hạn khác	135	5.5	2.865.590.591	2.255.201.558
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	136		(82.650.240)	(82.650.240)
IV. Hàng tồn kho	140	5.6	186.716.726.321	136.393.633.496
1. Hàng tồn kho	141		191.728.884.530	141.405.791.705
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	142		(5.012.158.209)	(5.012.158.209)
V. Tài sản ngắn hạn khác	160		4.757.520.553	9.882.197.351
1. Chi phí chờ phân bổ ngắn hạn	161	5.10	1.375.806.721	797.802.134
2. Thuế GTGT được khấu trừ	162	5.13	3.381.713.832	9.084.395.217
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		85.833.308.998	82.407.210.440
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		1.294.500.000	1.414.500.000
1. Phải thu dài hạn khác	215	5.5	1.294.500.000	1.414.500.000
II. Tài sản cố định	220		69.668.356.053	70.793.062.265
1. Tài sản cố định hữu hình	221	5.8	69.139.226.000	70.250.944.954
Nguyên giá	222		201.862.292.355	199.328.902.900
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(132.723.066.355)	(129.077.957.946)
2. Tài sản cố định vô hình	227	5.9	529.130.053	542.117.311
Nguyên giá	228		860.722.108	860.722.108
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(331.592.055)	(318.604.797)
III. Tài sản dở dang dài hạn	250		7.350.244.269	2.605.107.538
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	252	5.7	7.350.244.269	2.605.107.538
IV. Đầu tư tài chính dài hạn	260		5.500.000.000	5.500.000.000
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn dài hạn	265	5.2	5.500.000.000	5.500.000.000
V. Tài sản dài hạn khác	270		2.020.208.676	2.094.540.637
1. Chi phí chờ phân bổ dài hạn	271	5.10	2.020.208.676	2.094.540.637
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (280 = 100 + 200)	280		620.958.277.933	484.072.067.942

(Xem trang tiếp theo)

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY SẢN CÀ MAU

Địa chỉ: Số 8, đường Cao Thắng, phường Lý Văn Lâm, tỉnh Cà Mau, Việt Nam

Mẫu số B 01a - DN

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Tại ngày 30/06/2026

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	TM	Tại ngày 30/06/2026	Tại ngày 01/01/2026
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		372.140.968.833	290.806.507.138
I. Nợ ngắn hạn	310		372.140.968.833	290.806.507.138
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	5.11	35.673.125.910	22.501.149.117
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		1.090.416.881	1.193.730.812
3. Phải trả cổ tức, lợi nhuận	313	5.12	3.964.240.975	17.128.927.675
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	5.13	1.650.414.956	3.518.787.522
5. Phải trả người lao động	315	5.14	10.437.693.253	15.999.988.050
6. Phải trả ngắn hạn khác	320	5.15	2.670.877.625	2.024.461.344
7. Vay ngắn hạn	321	5.16	312.122.318.044	220.347.723.377
8. Dự phòng phải trả ngắn hạn	322	5.17	1.506.406.412	5.249.454.468
9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323	5.18	3.025.474.777	2.842.284.773
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400	5.19	248.817.309.100	193.265.560.804
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		143.731.660.000	97.485.790.000
Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		143.731.660.000	97.485.790.000
2. Thặng dư vốn	412		3.557.800.849	3.795.380.849
3. Cổ phiếu mua lại của chính mình	415		(15.471.908.920)	(15.471.908.920)
4. Quỹ đầu tư phát triển	418		53.728.149.438	-
5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		63.271.607.733	107.456.298.875
LNST chưa phân phối lũy kế đến CK trước	420a		42.056.790.433	65.149.070.817
LNST chưa phân phối kỳ này	420b		21.214.817.300	42.307.228.058
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		620.958.277.933	484.072.067.942

NGƯỜI LẬP

Nguyễn Thị Anh Thư

GIÁM ĐỐC TÀI CHÍNH
KIỂM KẾ TOÁN TRƯỞNG

Trần Trọng Tài

Phê duyệt, ngày 13 tháng 08 năm 2026

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT



Bùi Nguyên Khánh

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY SẢN CÀ MAU

Địa chỉ: Số 8, đường Cao Thắng, phường Lý Văn Lâm, tỉnh Cà Mau, Việt Nam

Mẫu số B 02a - DN

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/06/2026

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Kỳ này	Kỳ trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		373.079.361.495	415.565.050.274
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		7.471.834.772	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	5.21	365.607.526.723	415.565.050.274
4. Giá vốn hàng bán	11	5.22	314.164.007.702	363.219.072.620
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		51.443.519.021	52.345.977.654
6. Doanh thu hoạt động tài chính	22	5.23	4.327.154.561	8.541.883.494
7. Chi phí tài chính	23	5.24	5.040.365.236	5.552.559.817
Trong đó, chi phí lãi vay	24		4.208.325.001	5.191.099.400
8. Chi phí bán hàng	25	5.25	11.797.686.896	16.562.499.934
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	5.26	9.906.878.714	9.404.881.711
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		29.025.742.736	29.367.919.686
11. Thu nhập khác	31		843.157.451	453.664.773
12. Chi phí khác	32		308.755.119	198.850.224
13. Lợi nhuận khác	40		534.402.332	254.814.549
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		29.560.145.068	29.622.734.235
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	5.28	1.408.447.768	1.925.329.150
16. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		28.151.697.300	27.697.405.085
17. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	5.19.6	2.029	2.701
18. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	5.19.7	2.029	1.800

NGƯỜI LẬP

Nguyễn Thị Anh Thư

GIÁM ĐỐC TÀI CHÍNH
KIỂM KẾ TOÁN TRƯỞNG

Trần Trọng Tài

Phê duyệt, ngày 13 tháng 08 năm 2026

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT



Bùi Nguyên Khánh

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY SẢN CÀ MAU

Địa chỉ: Số 8, đường Cao Thắng, phường Lý Văn Lâm, tỉnh Cà Mau, Việt Nam

Mẫu số B 03a - DN

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp gián tiếp)
Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/06/2026

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Kỳ này	Kỳ trước
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		29.560.145.068	29.622.734.235
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02	5.27	4.003.095.667	3.864.766.733
Các khoản dự phòng	03	5.27	(3.743.048.056)	376.825.856
Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	5.23	(340.405.866)	(2.787.214.158)
Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư, tài chính	05		(877.086.379)	(1.224.530.239)
Chi phí đi vay	06	5.24	4.208.325.001	5.191.099.400
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08		32.811.025.435	35.043.681.827
Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(17.634.740.600)	4.577.451.877
Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(50.323.092.825)	14.891.194.979
Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		6.066.268.575	726.740.915
Tăng, giảm chi phí chờ phân bổ	12		(503.672.626)	617.294.681
Chi phí đi vay đã trả	14		(4.208.325.001)	(5.191.099.400)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	5.13	(1.427.831.475)	(752.396.818)
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17		(4.726.789.000)	(2.968.156.139)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(39.947.157.517)	46.944.711.922
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(7.623.526.186)	(6.631.663.967)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		4.545.455	60.000.000
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của các đơn vị khác	23		(111.253.577.571)	(27.032.089.384)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		32.570.541.016	29.678.741.630
5. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		496.330.512	779.367.843
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(85.805.686.774)	(3.145.643.878)

(Xem trang tiếp theo)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (TIẾP THEO)
(Theo phương pháp gián tiếp)
Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/06/2026

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Kỳ này	Kỳ trước
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	5.19.3	46.245.870.000	-
2. Tiền thu từ đi vay	33	5.29	368.662.154.823	341.855.148.959
3. Tiền trả nợ gốc vay	34	5.30	(276.886.180.156)	(357.940.630.712)
4. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	5.19.5	(26.862.946.700)	(157.417.755)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		111.158.897.967	(16.242.899.508)
LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TRONG KỲ				
(50 = 20+30+40)	50		(14.593.946.324)	27.556.168.536
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60		130.909.143.119	20.405.436.038
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		183.447.657	2.627.837.299
TIỀN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN CUỐI KỲ	70	5.1	116.498.644.452	50.589.441.873
(70 = 50+60+61)				

NGƯỜI LẬP

GIÁM ĐỐC TÀI CHÍNH
KIỂM KẾ TOÁN TRƯỞNG

Phê duyệt, ngày 13 tháng 08 năm 2026
NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Nguyễn Thị Anh Thư

Trần Trọng Tài



Bùi Nguyên Khánh

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC**1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP****1.1. Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Thủy sản Cà Mau (dưới đây gọi tắt là "Công ty") được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 613000035 ngày 21 tháng 10 năm 2004 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Cà Mau cấp. Sau đó, Giấy phép này được thay thế bởi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 2000105020 với lần thay đổi gần đây nhất là vào ngày 03 tháng 03 năm 2026 do Sở Tài chính tỉnh Cà Mau Cấp để tăng vốn điều lệ.

Ngày 29 tháng 12 năm 2017, Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội đã ban hành Quyết định số 1065/QĐ-SGDHN chấp thuận cho Công ty được đăng ký giao dịch cổ phiếu với mã chứng khoán CAT.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là 143.731.660.000 VND.

Trụ sở chính đăng ký hoạt động kinh doanh của Công ty được đặt tại Số 8, đường Cao Thắng, phường Lý Văn Lâm, tỉnh Cà Mau, Việt Nam.

1.2. Lĩnh vực kinh doanh

Sản xuất và kinh doanh hàng thủy sản xuất khẩu.

1.3. Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Ngành nghề kinh doanh chính của Công ty là: chế biến, bảo quản thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản; chi tiết: sản xuất, chế biến, bảo quản, kinh doanh, xuất khẩu hàng thủy sản; nhập khẩu nguyên vật liệu, phụ liệu để chế biến, gia công hàng xuất khẩu.

1.4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng.

1.5. Cấu trúc doanh nghiệp

Các đơn vị trực thuộc tính đến ngày 30 tháng 06 năm 2026 gồm:

Tên	Ngành nghề hoạt động chính	Địa chỉ
Xí nghiệp chế biến thủy sản Mặt Hàng Mới	Chế biến, bảo quản thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản	Số 8, đường Cao Thắng, phường Lý Văn Lâm, tỉnh Cà Mau, Việt Nam
Xí nghiệp chế biến thủy sản Đầm Dơi	Chế biến, bảo quản thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản	Số 589, đường Dương Thị Cẩm Vân, xã Đầm Dơi, tỉnh Cà Mau, Việt Nam
Xí nghiệp chế biến thủy sản Sông Đốc	Chế biến, bảo quản thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản	Số 169, ấp 7, xã Sông Đốc, tỉnh Cà Mau, Việt Nam

1.6. Số lượng lao động

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 30 tháng 06 năm 2026 là 529 (31/12/2025 là: 596).

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)

2. KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

2.1. Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

2.2. Đơn vị tiền tệ trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là VND.

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

3.1. Chế độ kế toán áp dụng

Kể từ năm tài chính 2026, Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC ngày 27/10/2025 của Bộ Tài chính (TT99), thay thế cho Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính (TT200) hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp.

3.2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán Việt Nam

Báo cáo tài chính riêng kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam ban hành theo TT99 và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam.

3.3. Cơ sở lập báo cáo tài chính giữa niên độ

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/06/2026 được lập phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo TT99 và các quy định hiện hành có liên quan.

Báo cáo tài chính giữa niên độ này không bao gồm đầy đủ các thuyết minh theo yêu cầu đối với báo cáo tài chính năm và vì vậy cần được đọc kết hợp với báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025 gần nhất của Công ty.

Trong phạm vi báo cáo tài chính giữa niên độ, Công ty tập trung trình bày các giao dịch và biến động trọng yếu phát sinh trong kỳ.

3.4. Hình thức kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức kế toán Nhật ký chung.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ĐƯỢC ÁP DỤNG

Các chính sách kế toán áp dụng trong kỳ không có thay đổi trọng yếu so với kỳ trước.

(Xem trang tiếp theo)

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY SẢN CÀ MAU

Địa chỉ: Số 8, đường Cao Thắng, phường Lý Văn Lâm, tỉnh Cà Mau, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)**5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH, BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH, BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ****5.1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	Tại ngày 30/06/2026 VND	Tại ngày 01/01/2026 VND
Tiền mặt	1.267.112.087	370.027.924
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn (*)	115.231.532.365	120.539.115.195
Các khoản tương đương tiền	-	10.000.000.000
Cộng	116.498.644.452	130.909.143.119

(*) Chi tiết số dư tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn như sau:

	Tại ngày 30/06/2026 VND	Tại ngày 01/01/2026 VND
Ngân hàng TMCP Đầu tư & Phát triển Việt Nam		
- Chi nhánh Cà Mau	67.859.327.060	34.754.947.541
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam		
- Chi nhánh Cà Mau	27.872.072.218	69.429.408.974
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam		
- Chi nhánh Cà Mau	15.663.100.440	7.933.947.456
Các ngân hàng khác	3.837.032.647	8.420.811.224
Cộng	115.231.532.365	120.539.115.195

Tại ngày 30/06/2026, các khoản tiền gửi không kỳ hạn tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Cà Mau với giá trị là 2.400.000 USD (tương đương 63.086.400.000 VND), tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Cà Mau với giá trị là 1.000.000 USD (tương đương 26.286.000.000 VND) và tại Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - Chi nhánh Cà Mau với giá trị là 539.000 USD (tương đương 14.168.154.000 VND) đang được thế chấp, đảm bảo cho các khoản vay ngân hàng - Xem thêm Mục 5.18.

5.2. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	Tại ngày 30/06/2026 VND	Tại ngày 01/01/2026 VND
Ngắn hạn:		
Tiền gửi có kỳ hạn gốc 06 tháng	31.286.000.000	5.000.000.000
Tiền gửi có kỳ hạn gốc 12 tháng	82.925.860.672	25.461.272.312
Dự thu lãi tiền gửi có kỳ hạn	887.791.402	511.580.990
Trái phiếu	-	4.968.826.805
Cộng	115.099.652.074	35.941.680.107

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY SẢN CÀ MAU

Địa chỉ: Số 8, đường Cao Thắng, phường Lý Văn Lâm, tỉnh Cà Mau, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)

	Tại ngày 30/06/2026 VND	Tại ngày 01/01/2026 VND
Dài hạn:		
Trái phiếu Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam	500.000.000	500.000.000
Trái phiếu Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam	5.000.000.000	5.000.000.000
Cộng	5.500.000.000	5.500.000.000

Giá trị các khoản tiền gửi có kỳ hạn ngắn hạn và trái phiếu dài hạn tại ngày 30/06/2026 đang được thể chấp, đảm bảo cho các khoản vay ngân hàng - Xem thêm Mục 5.18.

5.3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	Tại ngày 30/06/2026 VND		Tại ngày 01/01/2026 VND	
	Giá trị ghi sổ	Giá trị dự phòng	Giá trị ghi sổ	Giá trị dự phòng
Phải thu khách hàng là các bên liên quan	-	-	345.600.000	-
Phải thu từ khách hàng chiếm trên 10% tổng số bao gồm:				
Amanda Seafood Pte Ltd	64.068.325.622	-	43.519.616.586	-
Premier Marine Canada INC	29.260.668.596	-	17.418.189.910	-
Các khoản còn lại	7.162.558.430	(82.650.240)	14.836.326.815	(82.650.240)
Cộng	100.491.552.648	(82.650.240)	76.119.733.311	(82.650.240)

5.4. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	Tại ngày 30/06/2026 VND	Tại ngày 01/01/2026 VND
Trả trước cho người bán chiếm trên 10% tổng số bao gồm:		
Công ty TNHH Anh Phát	6.422.250.000	6.422.250.000
Công ty TNHH Xe nâng Tín Quang	1.705.980.000	1.705.980.000
Các khoản còn lại	649.702.536	2.117.688.800
Cộng	8.777.932.536	10.245.918.800

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY SẢN CÀ MAU

Địa chỉ: Số 8, đường Cao Thắng, phường Lý Văn Lâm, tỉnh Cà Mau, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)**5.5. Phải thu khác**

	Tại ngày 30/06/2026		Tại ngày 01/01/2026	
	VND		VND	
	Giá trị ghi sổ	Giá trị dự phòng	Giá trị ghi sổ	Giá trị dự phòng
Ngắn hạn:				
Phải thu khác bên liên quan				
- Xem thêm Mục 6.2	2.368.982.429	-	2.065.844.887	-
Phải thu khác	496.608.162	-	189.356.671	-
Cộng	2.865.590.591	-	2.255.201.558	-
Dài hạn:				
Ký quỹ, ký cược	1.294.500.000	-	1.414.500.000	-

5.6. Hàng tồn kho

	Tại ngày 30/06/2026		Tại ngày 01/01/2026	
	VND		VND	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	10.862.697.144	-	8.106.524.129	-
Công cụ, dụng cụ	221.222.511	-	335.354.459	-
Sản phẩm	180.644.964.875	(5.012.158.209)	129.728.132.083	(5.012.158.209)
Hàng gửi bán	-	-	3.235.781.034	-
Cộng	191.728.884.530	(5.012.158.209)	141.405.791.705	(5.012.158.209)

5.7. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Tại ngày 30/06/2026	Tại ngày 01/01/2026
	VND	VND
Chi phí di dời nhà xưởng phục vụ dự án kho lạnh 1.200 tấn tại Số 8, đường Cao Thắng, phường Lý Văn Lâm, tỉnh Cà Mau	6.142.000.000	2.578.400.000
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang khác	1.208.244.269	26.707.538
Cộng	7.350.244.269	2.605.107.538

(Xem trang tiếp theo)

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY SẢN CÀ MAU

Địa chỉ: Số 8, đường Cao Thắng, phường Lý Văn Lâm, tỉnh Cà Mau, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)**5.8. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình**

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc, thiết bị VND	Phương tiện vận tải, truyền dẫn VND	Thiết bị, dụng cụ quản lý VND	TSCĐ hữu hình khác VND	Cộng VND
Nguyên giá:						
Tại ngày 01/01/2026	66.271.299.507	123.424.160.511	4.600.891.949	215.011.990	4.817.538.943	199.328.902.900
Mua trong kỳ	-	1.352.500.000	668.445.455	-	-	2.020.945.455
Đầu tư XDCB hoàn thành	-	-	-	-	857.444.000	857.444.000
Thanh lý, nhượng bán	-	(345.000.000)	-	-	-	(345.000.000)
Tại ngày 30/06/2026	66.271.299.507	124.431.660.511	5.269.337.404	215.011.990	5.674.982.943	201.862.292.355
Giá trị hao mòn lũy kế:						
Tại ngày 01/01/2026	34.386.337.066	87.320.158.143	4.156.369.409	215.011.990	3.000.081.338	129.077.957.946
Khấu hao trong kỳ	1.092.769.854	2.590.468.708	118.718.017	-	188.151.830	3.990.108.409
Thanh lý, nhượng bán	-	(345.000.000)	-	-	-	(345.000.000)
Tại ngày 30/06/2026	35.479.106.920	89.565.626.851	4.275.087.426	215.011.990	3.188.233.168	132.723.066.355
Giá trị còn lại:						
Tại ngày 01/01/2026	31.884.962.441	36.104.002.368	444.522.540	-	1.817.457.605	70.250.944.954
Tại ngày 30/06/2026	30.792.192.587	34.866.033.660	994.249.978	-	2.486.749.775	69.139.226.000

Toàn bộ TSCĐ hữu hình tại ngày 30/06/2026 đã dùng để thế chấp, đảm bảo cho các khoản vay ngân hàng - Xem thêm Mục 5.18.

Nguyên giá của TSCĐ hữu hình cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 53.978.105.750 VND.

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY SẢN CÀ MAU

Địa chỉ: Số 8, đường Cao Thắng, phường Lý Văn Lâm, tỉnh Cà Mau, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)

Chi tiết danh mục các TSCĐ hữu hình đang hiện hữu trong kỳ như sau:

	Nguyên giá VND	Hao mòn lũy kế VND	Giá trị còn lại VND
Nhà xưởng, vật kiến trúc:			
Xí nghiệp chế biến thủy sản Mặt Hàng Mới	33.713.151.250	17.358.186.466	16.354.964.784
Xí nghiệp chế biến thủy sản Đầm Dơi	18.550.173.916	10.137.598.130	8.412.575.786
Xí nghiệp chế biến thủy sản Sông Đốc	14.007.974.341	7.983.322.324	6.024.652.017
Máy móc, thiết bị:			
Xí nghiệp chế biến thủy sản Mặt Hàng Mới	60.209.559.773	43.768.174.734	16.441.385.039
Xí nghiệp chế biến thủy sản Đầm Dơi	37.419.825.665	25.729.570.299	11.690.255.366
Xí nghiệp chế biến thủy sản Sông Đốc	26.802.275.073	20.067.881.818	6.734.393.255
Phương tiện, vận tải:			
Xí nghiệp chế biến thủy sản Mặt Hàng Mới	4.373.149.128	3.406.765.815	966.383.313
Xí nghiệp chế biến thủy sản Đầm Dơi	410.964.964	410.964.964	-
Xí nghiệp chế biến thủy sản Sông Đốc	485.223.312	457.356.647	27.866.665
Thiết bị, dụng cụ quản lý:			
Xí nghiệp chế biến thủy sản Sông Đốc	215.011.990	215.011.990	-
TSCĐ khác:			
Xí nghiệp chế biến thủy sản Mặt Hàng Mới	1.838.682.635	1.622.954.284	215.728.351
Xí nghiệp chế biến thủy sản Sông Đốc	3.836.300.308	1.565.278.884	2.271.021.424
Tại ngày 30/06/2026	201.862.292.355	132.723.066.355	69.139.226.000

(Xem trang tiếp theo)

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY SẢN CÀ MAU

Địa chỉ: Số 8, đường Cao Thắng, phường Lý Văn Lâm, tỉnh Cà Mau, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)**5.9. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình**

Khoản mục	Quyền sử dụng đất VND	Phần mềm máy vi tính VND	Cộng VND
Nguyên giá:			
Tại ngày 01/01/2026	555.947.886	304.774.222	860.722.108
Tại ngày 30/06/2026	555.947.886	304.774.222	860.722.108
Giá trị hao mòn lũy kế:			
Tại ngày 01/01/2026	78.529.647	240.075.150	318.604.797
Khấu hao trong kỳ	3.959.478	9.027.780	12.987.258
Tại ngày 30/06/2026	82.489.125	249.102.930	331.592.055
Giá trị còn lại:			
Tại ngày 01/01/2026	477.418.239	64.699.072	542.117.311
Tại ngày 30/06/2026	473.458.761	55.671.292	529.130.053

Toàn bộ quyền sử dụng đất đã được dùng để thế chấp, đảm bảo cho các khoản vay ngân hàng - Xem thêm Mục 5.18.

5.10. Chi phí chờ phân bổ

	Tại ngày 30/06/2026 VND	Tại ngày 01/01/2026 VND
Ngắn hạn:		
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	151.297.613	233.941.802
Các khoản khác	1.224.509.108	563.860.332
Cộng	1.375.806.721	797.802.134
Dài hạn:		
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	728.508.117	1.280.377.656
Chi phí sửa chữa, nâng cấp thiết bị, nhà xưởng	811.582.850	328.605.467
Các khoản khác	480.117.709	485.557.514
Cộng	2.020.208.676	2.094.540.637

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY SẢN CÀ MAU

Địa chỉ: Số 8, đường Cao Thắng, phường Lý Văn Lâm, tỉnh Cà Mau, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)**5.11. Phải trả người bán ngắn hạn**

	Tại ngày 30/06/2026		Tại ngày 01/01/2026	
	VND		VND	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Phải trả cho người bán chiếm trên 10% tổng số bao gồm:				
Doanh nghiệp tư nhân Thủy sản Ngọc Phát	13.009.130.600	13.009.130.600	7.838.457.695	7.838.457.695
Các khoản còn lại	22.663.995.310	22.663.995.310	14.662.691.422	14.662.691.422
Cộng	35.673.125.910	35.673.125.910	22.501.149.117	22.501.149.117

5.12. Phải trả cổ tức, lợi nhuận

	Tại ngày 30/06/2026 VND	Tại ngày 01/01/2026 VND
Cổ tức, lợi nhuận phải trả cho các bên liên quan	-	6.062.895.500
Cổ tức, lợi nhuận phải trả cho các cổ đông khác	3.964.240.975	11.066.032.175
Cộng	3.964.240.975	17.128.927.675

(Xem trang tiếp theo)

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY SẢN CÀ MAU

Địa chỉ: Số 8, đường Cao Thắng, phường Lý Văn Lâm, tỉnh Cà Mau, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)**5.13. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**

	Tại ngày 30/06/2026 VND	Số phát sinh VND	Số đã khấu trừ VND	Số được hoàn VND	Tại ngày 01/01/2026 VND
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	3.381.713.832	4.819.102.680	(1.443.800.121)	(9.077.983.944)	9.084.395.217
	Tại ngày 30/06/2026 VND	Trong kỳ VND			Tại ngày 01/01/2026 VND
	Phải nộp	Phải nộp	Đã nộp	Số đã khấu trừ	Phải nộp
Thuế giá trị gia tăng đầu ra	-	1.443.800.121	-	(1.443.800.121)	-
Thuế giá trị gia tăng hàng nhập khẩu	-	442.473.019	(442.473.019)	-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	958.014.121	1.408.447.768	(1.427.831.475)	-	977.397.828
Thuế thu nhập cá nhân	687.534.835	1.557.609.051	(910.787.919)	-	40.713.703
Thuế tài nguyên	4.866.000	27.419.600	(27.969.600)	-	5.416.000
Tiền thuê đất	-	115.115.873	(2.610.375.864)	-	2.495.259.991
Các loại thuế khác	-	53.591.845	(53.591.845)	-	-
Cộng	1.650.414.956	5.048.457.277	(5.473.029.722)	(1.443.800.121)	3.518.787.522

5.14. Phải trả người lao động

Là tiền lương còn phải trả cho người lao động tại ngày 30/06/2026.

(Xem trang tiếp theo)

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY SẢN CÀ MAU

Địa chỉ: Số 8, đường Cao Thắng, phường Lý Văn Lâm, tỉnh Cà Mau, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)**5.15. Phải trả ngắn hạn khác**

	Tại ngày 30/06/2026 VND	Tại ngày 01/01/2026 VND
Nhận ký quỹ, ký cược	913.000.000	904.417.875
Các khoản phải trả, phải nộp khác	1.757.877.625	1.120.043.469
Cộng	2.670.877.625	2.024.461.344

5.16. Dự phòng phải trả ngắn hạn

Là khoản dự phòng phải trả tại ngày 30/06/2026 về thuế chống bán phá giá tôm tại thị trường Mỹ.

5.17. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Số dư đầu kỳ	2.842.284.773	2.370.328.375
Trích lập trong kỳ	4.734.479.004	2.670.534.652
Tăng khác	175.500.000	327.484.465
Sử dụng trong kỳ	(4.726.789.000)	(3.141.351.002)
Số dư cuối kỳ	3.025.474.777	2.226.996.490

(Xem trang tiếp theo)

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY SẢN CÀ MAU

Địa chỉ: Số 8, đường Cao Thắng, phường Lý Văn Lâm, tỉnh Cà Mau, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)**5.18. Vay ngắn hạn**

	Tại ngày 30/06/2026		Trong kỳ		Tại ngày 01/01/2026	
	VND		VND		VND	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Vay ngân hàng bằng VND:						
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam	131.500.158.458	131.500.158.458	131.500.158.458	95.255.477.069	95.255.477.069	95.255.477.069
Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam	59.933.022.566	59.933.022.566	85.209.949.913	70.945.065.732	45.668.138.385	45.668.138.385
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam	14.143.065.973	14.143.065.973	14.143.065.973	3.735.854.023	3.735.854.023	3.735.854.023
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam	49.848.790.087	49.848.790.087	62.238.870.132	81.101.617.445	68.711.537.400	68.711.537.400
Ngân hàng TNHH MTV Standard Chartered (Việt Nam)	49.600.060.960	49.600.060.960	51.600.060.960	2.000.000.000	-	-
Cộng	305.025.098.044	305.025.098.044	344.692.105.436	253.038.014.269	213.371.006.877	213.371.006.877
Vay ngân hàng bằng USD:						
Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam	7.097.220.000	7.097.220.000	23.970.049.387	23.849.545.887	6.976.716.500	6.976.716.500
Tổng cộng	312.122.318.044	312.122.318.044	368.662.154.823	276.887.560.156	220.347.723.377	220.347.723.377

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)

Thông tin chi tiết các khoản vay như sau:

▪ **Vay Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Cà Mau:**

Hạn mức vay: 340.000.000.000 VND.
Thời hạn vay: Dưới 12 tháng.
Lãi suất: 2,5 - 7,5%/năm.
Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh.
Tài sản đảm bảo: - Tiền gửi USD không kỳ hạn - Xem thêm Mục 5.1;
- Tiền gửi có kỳ hạn - Xem thêm Mục 5.2;
- Toàn bộ tài sản cố định Xí nghiệp chế biến thủy sản Đầm Dơi và phân xưởng 118 thuộc Xí nghiệp chế biến thủy sản Mặt Hàng Mới - Xem thêm Mục 5.8;
- Quyền sử dụng đất tại Khóm 7, phường Lý Văn Lâm, tỉnh Cà Mau - Xem thêm Mục 5.9.

▪ **Vay Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Cà Mau:**

Hạn mức vay: 80.000.000.000 VND.
Thời hạn vay: Dưới 12 tháng.
Lãi suất: 4,0%/năm.
Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh.
Tài sản đảm bảo: - Tiền gửi có kỳ hạn - Xem thêm Mục 5.2;
- Trái phiếu do Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam phát hành - Xem thêm Mục 5.2;
- Toàn bộ TSCĐ Xí nghiệp chế biến thủy sản Sông Đốc - Xem thêm Mục 5.8.

▪ **Vay Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Cà Mau:**

Hạn mức vay: 90.000.000.000 VND.
Thời hạn vay: Dưới 12 tháng.
Lãi suất: 4,1%/năm.
Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh.
Tài sản đảm bảo: - Tiền gửi USD không kỳ hạn - Xem thêm Mục 5.1;
- Tiền gửi có kỳ hạn - Xem thêm Mục 5.2;
- Toàn bộ tài sản cố định phân xưởng 196 thuộc Xí nghiệp chế biến thủy sản Mặt Hàng Mới - Xem thêm Mục 5.8;
- Quyền sở hữu lô văn phòng số 2.19 căn hộ Prince số 17-19-21 Nguyễn Văn Trỗi, phường Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh - Xem thêm Mục 5.9.

▪ **Vay Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Cà Mau:**

Hạn mức vay: 99.900.000.000 VND.
Thời hạn vay: Dưới 12 tháng.
Lãi suất: 2,5 - 4,0%/năm.
Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh.
Tài sản đảm bảo: - Tiền gửi USD không kỳ hạn - Xem thêm Mục 5.1;
- Trái phiếu do Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam phát hành - Xem thêm Mục 5.2.

▪ **Vay Ngân hàng TNHH MTV Standard Chartered (Việt Nam) - Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh:**

Hạn mức vay: 129.000.000.000 VND.
Thời hạn vay: Dưới 12 tháng.
Lãi suất: 2,3 - 6,0%/năm.
Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh.
Tài sản đảm bảo: Tiền gửi có kỳ hạn - Xem thêm Mục 5.2.

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY SẢN CÀ MAU

Địa chỉ: Số 8, đường Cao Thắng, phường Lý Văn Lâm, tỉnh Cà Mau, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)**5.19. Vốn chủ sở hữu****5.19.1. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Các khoản mục thuộc vốn chủ sở hữu					Cộng VND
	Vốn góp của chủ sở hữu VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Cổ phiếu mua lại của chính mình VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	
Tại ngày 01/01/2025	97.485.790.000	3.795.380.849	(15.471.908.920)	-	87.681.747.905	173.491.009.834
Lãi trong 06 tháng đầu năm trước	-	-	-	-	27.697.405.085	27.697.405.085
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	(3.136.733.044)	(3.136.733.044)
Trích quỹ khen thưởng Ban điều hành	-	-	-	-	(897.598.044)	(897.598.044)
Tại ngày 30/06/2025	97.485.790.000	3.795.380.849	(15.471.908.920)	-	111.344.821.902	197.154.083.831
Lãi trong 06 tháng cuối năm trước	-	-	-	-	28.483.582.473	28.483.582.473
Chia cổ tức	-	-	-	-	(32.372.105.500)	(32.372.105.500)
Tại ngày 01/01/2026	97.485.790.000	3.795.380.849	(15.471.908.920)	-	107.456.298.875	193.265.560.804
Tăng vốn trong 6 tháng đầu năm nay	46.245.870.000	-	-	-	-	46.245.870.000
Chi phí phát hành cổ phiếu	-	(237.580.000)	-	-	-	(237.580.000)
Lãi trong 06 tháng đầu năm nay	-	-	-	-	28.151.697.300	28.151.697.300
Chia cổ tức	-	-	-	-	(13.873.760.000)	(13.873.760.000)
Trích quỹ đầu tư phát triển (*)	-	-	-	53.728.149.438	(53.728.149.438)	-
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (*)	-	-	-	-	(3.370.859.253)	(3.370.859.253)
Trích quỹ khen thưởng Ban điều hành (*)	-	-	-	-	(1.363.619.751)	(1.363.619.751)
Tại ngày 30/06/2026	143.731.660.000	3.557.800.849	(15.471.908.920)	53.728.149.438	63.271.607.733	248.817.309.100

(*) Việc phân phối lợi nhuận trong kỳ này được thực hiện theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 số 95/2026/NQ-ĐHĐCĐ ngày 04 tháng 04 năm 2026.

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY SẢN CÀ MAU

Địa chỉ: Số 8, đường Cao Thắng, phường Lý Văn Lâm, tỉnh Cà Mau, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)**5.19.2. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu**

Cổ đông	Tại ngày 30/06/2026		Tại ngày 01/01/2026	
	Giá trị (VND)	Tỷ lệ (%)	Giá trị (VND)	Tỷ lệ (%)
Công ty Cổ phần Chứng khoán Bảo Việt	14.550.000.000	10,12	9.700.000.000	9,95
Ông Bùi Vĩnh Hoàng Chương	14.510.000.000	10,10	10.825.000.000	11,10
Các cổ đông khác	114.671.660.000	79,78	76.960.790.000	78,95
Cộng	143.731.660.000	100,00	97.485.790.000	100,00

5.19.3. Vốn góp của chủ sở hữu

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Vốn góp tại ngày 01/01	97.485.790.000	97.485.790.000
Vốn góp tăng trong kỳ	46.245.870.000	-
Vốn góp tại ngày 30/06	143.731.660.000	97.485.790.000

Trong kỳ, Công ty đã chào bán thành công thêm 4.624.587 cổ phiếu ra công chúng. Mức giá chào bán là 10.000 VNĐ/cổ phiếu.

5.19.4. Cổ phiếu

	Tại ngày 30/06/2026	Tại ngày 01/01/2026
Số lượng cổ phiếu phổ thông đăng ký phát hành	14.373.166	9.748.579
Số lượng cổ phiếu phổ thông đã bán ra công chúng	14.373.166	9.748.579
Số lượng cổ phiếu phổ thông được mua lại (cổ phiếu quỹ)	499.406	499.406
Số lượng cổ phiếu phổ thông đang lưu hành	13.873.760	9.249.173

Mệnh giá cổ phần đang lưu hành: 10.000 VND/cổ phần.

5.19.5. Cổ tức, lợi nhuận đã trả

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Cổ tức, lợi nhuận đã trả	(26.862.946.700)	(157.417.755)

(Xem trang tiếp theo)

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY SẢN CÀ MAU

Địa chỉ: Số 8, đường Cao Thắng, phường Lý Văn Lâm, tỉnh Cà Mau, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)**5.19.6. Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	28.151.697.300	27.697.405.085
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi (*)	-	(2.717.845.052)
Lợi nhuận để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	28.151.697.300	24.979.560.033
Số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân lưu hành trong kỳ	13.873.760	9.249.173
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	2.029	2.701

(*) Tại ngày báo cáo tài chính, Công ty chưa ước tính được một cách đáng tin cậy số lợi nhuận có thể được phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2026 do Đại hội đồng cổ đông chưa quyết định tỷ lệ trích quỹ khen thưởng, phúc lợi cho năm 2026. Nếu Công ty trích quỹ khen thưởng, phúc lợi thì chỉ tiêu "Lợi nhuận để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu" có thể giảm, dẫn đến việc lãi cơ bản trên cổ phiếu giảm tương ứng.

5.19.7. Lãi suy giảm trên cổ phiếu

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	28.151.697.300	27.697.405.085
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi (*)	-	(2.717.845.052)
Lợi nhuận để tính lãi suy giảm trên cổ phiếu	28.151.697.300	24.979.560.033
Số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân lưu hành trong kỳ	13.873.760	13.873.760
Lãi suy giảm trên cổ phiếu	2.029	1.800

(*) Tại ngày báo cáo tài chính, Công ty chưa ước tính được một cách đáng tin cậy số lợi nhuận có thể được phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2026 do Đại hội đồng cổ đông chưa quyết định tỷ lệ trích quỹ khen thưởng, phúc lợi cho năm 2026. Nếu Công ty trích quỹ khen thưởng, phúc lợi thì chỉ tiêu "Lợi nhuận để tính lãi suy giảm trên cổ phiếu" có thể giảm, dẫn đến việc và lãi suy giảm trên cổ phiếu giảm tương ứng.

5.20. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán

	Tại ngày 30/06/2026	Tại ngày 01/01/2026
Ngoại tệ các loại:		
USD	4.341.667,97	4.551.696,74

(Xem trang tiếp theo)

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY SẢN CÀ MAU

Địa chỉ: Số 8, đường Cao Thắng, phường Lý Văn Lâm, tỉnh Cà Mau, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)**5.21. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Doanh thu xuất khẩu	354.691.935.349	402.209.027.961
Doanh thu nội địa	18.387.426.146	13.356.022.313
Hàng bán bị trả lại	(7.471.834.772)	-
Doanh thu thuần	365.607.526.723	415.565.050.274
Trong đó, doanh thu bán hàng cho bên liên quan - Xem thêm Mục 6.2	2.565.694.356	1.280.000.000

5.22. Giá vốn hàng bán

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Giá vốn của thành phẩm đã bán	316.212.855.502	360.457.085.984
Giá vốn khác	1.694.200.256	2.761.986.636
Chi phí/(Hoàn nhập) dự phòng về thuế chống bán phá giá tôm tại thị trường Mỹ	(3.743.048.056)	-
Cộng	314.164.007.702	363.219.072.620

5.23. Doanh thu hoạt động tài chính

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Lãi tiền gửi có kỳ hạn	1.068.616.125	1.325.168.116
Lãi tiền gửi không kỳ hạn	6.628.944	2.573.528
Lãi chênh lệch tỷ giá	2.911.503.626	4.426.927.692
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	340.405.866	2.787.214.158
Cộng	4.327.154.561	8.541.883.494

5.24. Chi phí tài chính

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Chi phí lãi vay	4.208.325.001	5.191.099.400
Lỗ chênh lệch tỷ giá	832.040.235	361.460.417
Cộng	5.040.365.236	5.552.559.817

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY SẢN CÀ MAU

Địa chỉ: Số 8, đường Cao Thắng, phường Lý Văn Lâm, tỉnh Cà Mau, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)**5.25. Chi phí bán hàng**

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Chi phí cước tàu, vận chuyển, bốc xếp	5.387.615.135	6.486.269.846
Chi phí thuê kho	1.685.670.202	4.667.392.814
Chi phí khác	4.724.401.559	5.408.837.274
Cộng	11.797.686.896	16.562.499.934

5.26. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Chi phí nhân viên quản lý	7.054.413.358	6.763.795.661
Chi phí đồ dùng văn phòng	99.316.393	104.529.065
Chi phí khấu hao tài sản cố định	213.507.069	179.170.285
Thuế, phí và lệ phí	244.108.517	13.298.488
Chi phí dịch vụ mua ngoài	511.315.871	631.397.846
Chi phí bằng tiền khác	1.784.217.506	1.712.690.366
Cộng	9.906.878.714	9.404.881.711

5.27. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	313.336.518.929	293.962.313.407
Chi phí nhân công	42.609.421.615	41.070.875.692
Chi phí khấu hao tài sản cố định	4.003.095.667	3.864.766.733
Chi phí/(Hoàn nhập) dự phòng	(3.743.048.056)	376.825.856
Chi phí dịch vụ mua ngoài	18.955.851.527	19.635.125.717
Chi phí khác bằng tiền	8.408.123.234	15.426.446.256
Cộng	383.569.962.916	374.336.353.661

(Xem trang tiếp theo)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)**5.28. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành**

Chi phí thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế trong kỳ được xác định như sau:

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế trong kỳ	29.560.145.068	29.622.734.235
Cộng: Các khoản điều chỉnh tăng	32.086.709	376.825.856
Trừ: Các khoản điều chỉnh giảm	(3.743.048.056)	(15.113.674.359)
Thu nhập tính thuế từ hoạt động kinh doanh	25.849.183.721	14.885.885.732
<i>Thu nhập tính thuế theo thuế suất thuế TNDN 20%</i>	<i>2.215.876.720</i>	<i>4.324.925.763</i>
<i>Thu nhập tính thuế theo thuế suất thuế TNDN 10%</i>	<i>9.651.308.506</i>	<i>10.560.959.969</i>
Chi phí thuế TNDN tính theo thuế suất thuế TNDN 20%	443.175.344	864.985.153
Chi phí thuế TNDN tính theo thuế suất thuế TNDN 10%	965.130.851	1.056.095.997
Điều chỉnh chi phí thuế TNDN của các năm trước vào chi phí thuế thu nhập hiện hành kỳ này	141.573	4.248.000
Tổng chi phí thuế TNDN hiện hành	1.408.447.768	1.925.329.150

Các khoản điều chỉnh tăng, giảm thu nhập chịu thuế chủ yếu là các khoản mục theo quy định của Luật thuế TNDN không được xem là chi phí, thu nhập khi tính thuế.

Chi phí thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế trong kỳ có thể có những điều chỉnh tùy thuộc vào sự kiểm tra của cơ quan thuế.

5.29. Số tiền đi vay thực thu trong kỳ

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Tiền thu từ đi vay theo kế ước thông thường	368.662.154.823	341.855.148.959

5.30. Số tiền đã thực trả gốc vay trong kỳ

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Tiền trả nợ gốc vay theo kế ước thông thường	(276.886.180.156)	(357.940.630.712)

(Xem trang tiếp theo)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)**6. CÁC SỰ KIỆN HOẶC GIAO DỊCH TRỌNG YẾU TRONG KỲ KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ****6.1. Báo cáo bộ phận**

Theo đánh giá của Ban Tổng Giám đốc Công ty, rủi ro và tỷ suất sinh lời của Công ty không bị tác động về những khác biệt về sản phẩm mà Công ty cung cấp, hoặc do Công ty hoạt động tại nhiều khu vực địa lý khác nhau. Cụ thể như sau:

- Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh: Hoạt động kinh doanh của Công ty là từ sản xuất và kinh doanh hàng thủy sản xuất khẩu nên không có sự khác nhau về rủi ro và lợi ích kinh tế theo lĩnh vực sản xuất kinh doanh;
- Bộ phận theo khu vực địa lý: Hoạt động của Công ty phần lớn là xuất khẩu nên không có sự khác nhau về rủi ro và lợi ích kinh tế theo khu vực địa lý cần thiết phải thuyết minh.

Do đó, Công ty chỉ có một bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và một bộ phận theo khu vực địa lý. Vì vậy, theo VAS 28 - Báo cáo bộ phận, Công ty không trình bày báo cáo bộ phận thành một khoản mục riêng biệt trong thuyết minh báo cáo tài chính.

6.2. Thông tin về các bên liên quan**Danh sách các bên liên quan****Mối quan hệ**

- | | |
|--|--|
| 1. Công ty TNHH Thực phẩm Xuất khẩu Hai Thanh | Công ty có cùng nhân sự quản lý chủ chốt |
| 2. Công ty TNHH MTV Thiết kế - Giám sát - Xây dựng Hưng Long | Công ty có cùng nhân sự quản lý chủ chốt |
| 3. Công ty TNHH Điện Lạnh Sài Gòn | Công ty có cùng nhân sự quản lý chủ chốt |
| 4. Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Ban kiểm soát và Giám đốc tài chính kiêm Kế toán trưởng | Nhân sự quản lý chủ chốt |

Tại ngày lập báo cáo tình hình tài chính, số dư phải thu với các bên liên quan như sau:

	Tại ngày 30/06/2026 VND	Tại ngày 01/01/2026 VND
Tạm ứng tiền mua đất xây dựng nhà xưởng - Xem thêm Mục 5.5:		
Ông Bùi Vĩnh Hoàng Chương	2.368.982.429	2.065.844.887

Trong kỳ, Công ty đã có các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan như sau:

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Bán hàng:		
Công ty TNHH Thực phẩm Xuất khẩu Hai Thanh	2.555.138.800	1.280.000.000
Công ty TNHH MTV Thiết Kế - Giám Sát - Xây Dựng Hưng Long	10.555.556	-
Cộng - Xem thêm Mục 5.21	2.565.694.356	1.280.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY SẢN CÀ MAU

Địa chỉ: Số 8, đường Cao Thắng, phường Lý Văn Lâm, tỉnh Cà Mau, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)

		Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Mua tài sản:			
Công ty TNHH Điện Lạnh Sài Gòn		200.330.000	-
Chia cổ tức:			
Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc		10.219.209.375	-
Thù lao của Hội đồng quản trị ("HĐQT") được hưởng trong kỳ như sau:			
<u>Tên</u>	<u>Chức vụ</u>	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Ông Bùi Vĩnh Hoàng Chương	Chủ tịch HĐQT	130.000.000	60.000.000
Ông Nguyễn Văn Khánh	Phó Chủ tịch HĐQT (tạm đình chỉ chức vụ từ ngày 24 tháng 04 năm 2026)	90.000.000	50.000.000
Ông Bùi Nguyên Khánh	Thành viên HĐQT	120.000.000	50.000.000
Ông Nguyễn Hồng Đức	Thành viên HĐQT	70.000.000	50.000.000
Ông Bùi Thế Hùng	Thành viên HĐQT	90.000.000	50.000.000
Ông Lê Thanh Phương	Thành viên HĐQT	70.000.000	50.000.000
Ông Huỳnh Nhật Vũ	Thành viên HĐQT	70.000.000	50.000.000
Cộng		640.000.000	360.000.000
Thu nhập của Ban Tổng Giám đốc và nhân sự quản lý chủ chốt khác được hưởng trong kỳ như sau:			
<u>Tên</u>	<u>Chức vụ</u>	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Ông Bùi Nguyên Khánh	Phó Tổng Giám đốc phụ trách	389.402.000	272.393.000
Ông Bùi Vĩnh Hoàng Chương	Phó Tổng Giám đốc	364.884.200	247.592.700
Bà Phan Thị Ngọc Ánh	Phó Tổng Giám đốc	350.675.780	232.033.430
Ông Tô Tồn Hoài	Phó Tổng Giám đốc	366.324.200	249.032.700
Ông Trần Trọng Tài	Giám đốc tài chính kiêm Kế toán trưởng	364.604.200	247.312.700
Cộng		1.835.890.380	1.248.364.530

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY SẢN CÀ MAU

Địa chỉ: Số 8, đường Cao Thắng, phường Lý Văn Lâm, tỉnh Cà Mau, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)

Thù lao và thu nhập của Ban kiểm soát được hưởng trong kỳ như sau:

<u>Tên</u>	<u>Chức vụ</u>	<u>Kỳ này VND</u>	<u>Kỳ trước VND</u>
Ông Đặng Chiến Thắng	Trưởng ban	223.542.000	55.400.000
Ông Đỗ Hữu Duy	Thành viên	141.877.200	117.089.200
Ông Vũ Hà Nam	Thành viên (bổ nhiệm ngày 05/04/2025)	38.000.000	9.000.000
Ông Nguyễn Viết Luận	Thành viên (miễn nhiệm ngày 05/04/2025)	-	19.000.000
Cộng		403.419.200	200.489.200

6.3. Số liệu so sánh***Phân loại lại***

Trong kỳ, Công ty đã thực hiện phân loại lại số liệu so sánh của kỳ trước nhằm phù hợp với cách trình bày của kỳ hiện tại.

Ảnh hưởng của việc phân loại lại như sau:

<u>Chỉ tiêu</u>	<u>Trước điều chỉnh VND</u>	<u>Phân loại lại VND</u>	<u>Sau điều chỉnh VND</u>
-----------------	-------------------------------------	------------------------------	-------------------------------

Báo cáo tình hình tài chính

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn ngắn hạn	35.430.099.117	511.580.990	35.941.680.107
Phải thu ngắn hạn khác	2.766.782.548	(511.580.990)	2.255.201.558
Phải trả cổ tức, lợi nhuận	-	17.128.927.675	17.128.927.675
Phải trả ngắn hạn khác	19.153.389.019	(17.128.927.675)	2.024.461.344

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ

Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư, tài chính	(1.387.741.644)	163.211.405	(1.224.530.239)
Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	942.579.248	(163.211.405)	779.367.843

Việc phân loại lại này chỉ ảnh hưởng đến cách trình bày các khoản mục trên Báo cáo tài chính và không làm thay đổi tổng tài sản, tổng nợ phải trả, vốn chủ sở hữu, lợi nhuận sau thuế của kỳ trước và tổng lưu chuyển tiền tệ trong kỳ của kỳ trước.

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY SẢN CÀ MAU

Địa chỉ: Số 8, đường Cao Thắng, phường Lý Văn Lâm, tỉnh Cà Mau, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)**Điều chỉnh hồi tố**

Trong kỳ, Công ty đã thực hiện điều chỉnh hồi tố số liệu "Lãi cơ bản trên cổ phiếu và lãi suy giảm trên cổ phiếu" trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh kỳ trước do Công ty điều chỉnh số tạm trích quỹ khen thưởng phúc lợi trong báo cáo kỳ trước theo số liệu được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt như nêu trong Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 số 95/2026/NQ-ĐHĐCĐ ngày 04 tháng 04 năm 2026, chi tiết như sau:

Chỉ tiêu	Trước điều chỉnh VND	Điều chỉnh tăng/(giảm) VND	Sau điều chỉnh VND
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	2.995	(294)	2.701
Lãi suy giảm trên cổ phiếu	1.996	(196)	1.800

6.4. Các sự kiện sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Sau ngày kết thúc kỳ kế toán, không có sự kiện trọng yếu cần điều chỉnh.

Phê duyệt, ngày 13 tháng 08 năm 2026

NGƯỜI LẬP**GIÁM ĐỐC TÀI CHÍNH
KẾ TOÁN TRƯỞNG****NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT****Nguyễn Thị Anh Thư****Trần Trọng Tài****Bùi Nguyên Khánh**